

A. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Dạy học theo nhóm;
- Dạy học nêu và giải quyết vấn đề;
- Kĩ thuật sử dụng phương tiện trực quan;
- Kĩ thuật sơ đồ tư duy;
- Phương pháp thực hành phân loại;
- Phương pháp Lamac.

B. TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Chuẩn bị

GV chuẩn bị bài thực hành theo yêu cầu trong SGK.

2. Cách tiến hành

Hoạt động 1: Thực hành phân loại các nhóm thực vật

Nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS sưu tầm và phân loại một số tranh/ ảnh hoặc mẫu thực vật trong vườn trường, địa phương, thành phố nơi em sống.

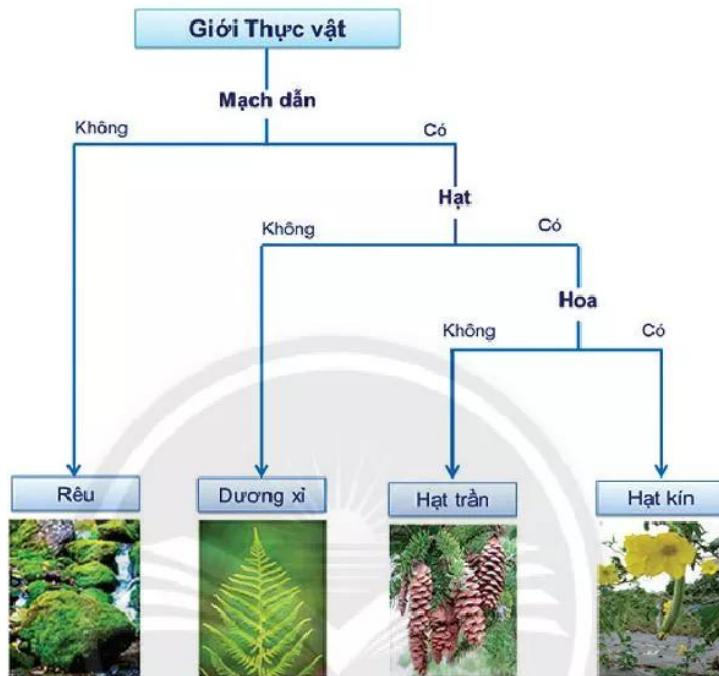
Tổ chức dạy học: GV lựa chọn địa điểm thuận lợi, an toàn, phù hợp với điều kiện địa phương; tổ chức cho HS tham quan, quan sát, nhận biết một số đại diện thuộc các nhóm thực vật đã học. GV chia lớp thành các nhóm cụ thể, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm. GV có thể giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm làm bộ sưu tập ảnh của một nhóm thực vật khác nhau, hoặc giao cùng một nhiệm vụ cho các nhóm để các nhóm thi đua với nhau về số lượng và chất lượng của bộ sưu tập.

Gợi ý: GV hướng dẫn HS lập bảng thực hành phân loại các nhóm thực vật theo mẫu dưới đây:

| Nhóm thực vật | Đặc điểm | Môi trường sống |
|---------------|---|--|
| Nhóm Rêu | Có thân, lá và rễ giả Không có mạch dẫn Sinh sản bằng bào tử. | Nơi ẩm ướt: tường, thân cây mục, nền đá ẩm ven suối, ... |
| Nhóm Dương xỉ | Có rễ, thân, lá đầy đủ Có hệ mạch dẫn, không có hạt Sinh sản bằng bào tử (các túi bào tử nằm mặt sau lá). | Môi trường cạn, dưới các tán cây lớn. |
| Nhóm Hạt trần | Có rễ, thân, lá đầy đủ Có hệ mạch dẫn Chưa có hoa; hạt có cấu trúc tương tự hình nón, không được bao bọc trong quả Cơ quan sinh sản: nón đực, nón cái. | Môi trường thích nghi: vùng lạnh. |

| | | |
|--------------|--|---|
| Nhóm Hạt kín | Có rễ, thân, lá đầy đủ, đa dạng Có hệ mạch dẫn Hoa là cơ quan sinh sản; hạt được bảo vệ trong quả. | Số lượng loài lớn; phân bố đa dạng ở các môi trường sống khác nhau. |
|--------------|--|---|

Gợi ý: Xây dựng sơ đồ khoá lưỡng phân về các nhóm thực vật



GV hướng dẫn HS đọc thêm cách làm mẫu ép thực vật trong SGK.

Hoạt động 2: Báo cáo kết quả thực hành

Nhiệm vụ: Báo cáo kết quả thực hành trên giấy A0 hoặc chuẩn bị trên Power-Point dạng sơ đồ tư duy.

Tổ chức dạy học: GV yêu cầu HS chuẩn bị báo cáo và báo cáo kết quả thực hành các nội dung:

1. Bộ sưu tập tranh/ ảnh về các nhóm thực vật.
2. Sơ đồ khoá lưỡng phân phân loại các nhóm thực vật đã được quan sát và phân loại trong bài thực hành.



ĐỘNG VẬT (6 tiết)

MỤC TIÊU

1. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân khi tìm hiểu về đa dạng động vật và vai trò của các nhóm động vật;
- Giao tiếp và hợp tác: Tập hợp nhóm theo đúng yêu cầu, nhanh và đảm bảo trật tự; Xác định nội dung hợp tác nhóm trao đổi về đặc điểm của các nhóm động vật và vai trò của chúng; Thảo luận với các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập nhằm xác định sự đa dạng các nhóm động vật tồn tại trong tự nhiên; Nhận ra và điều chỉnh những hạn chế của bản thân khi tham gia thảo luận nhóm;
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kỹ năng để vẽ sơ đồ phân biệt các nhóm động vật trong tự nhiên; Giải thích được vai trò của động vật trong tự nhiên và trong đời sống.

2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống; Lấy được ví dụ minh họa cho 2 nhóm này; Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống và các nhóm động vật có xương sống trong tự nhiên; Gọi được tên một số đại diện điển hình của mỗi nhóm;
- Tìm hiểu tự nhiên: Quan sát và nhận dạng được các đại diện thuộc các nhóm động vật không xương sống và các đại diện thuộc nhóm động vật có xương sống; Nhận được tác hại của một số động vật trong đời sống;
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Gọi được tên một số sinh vật điển hình của các nhóm.

3. Phẩm chất

- Có niềm tin yêu khoa học;
- Quan tâm đến nhiệm vụ của nhóm;
- Có ý thức hoàn thành tốt các nội dung thảo luận trong bài học;
- Luôn cố gắng vươn lên trong học tập;
- Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, bảo vệ môi trường, bảo vệ các loài động vật quý hiếm, phản đối những hành vi xâm hại thiên nhiên.

Dựa vào mục tiêu của bài học và nội dung các hoạt động của SGK, GV lựa chọn phương pháp và kỹ thuật dạy học phù hợp để tổ chức cho HS tham gia các hoạt động học

tập một cách hiệu quả và tạo hứng thú cho HS trong quá trình tiếp nhận kiến thức, hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất liên quan đến bài học.

A. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Dạy học theo nhóm;
- Phương pháp hỏi – đáp;
- Phương pháp trực quan;
- Phương pháp dạy học theo góc;
- Kĩ thuật sử dụng phương tiện trực quan;
- Kĩ thuật động não;
- Kĩ thuật KWL;
- Kĩ thuật sơ đồ tư duy;
- Sử dụng tranh ảnh/ video hoặc bản trình chiếu slide.

B. TỔ CHỨC DẠY HỌC

Khởi động

Thế giới động vật rất phong phú và đa dạng. Vậy làm thế nào để có thể phân loại được chúng?

GV trình chiếu một đoạn video về động vật ở các môi trường sống tự nhiên khác nhau (sa mạc, đài nguyên, rừng nguyên sinh) và ở các trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm. GV đặt vấn đề về đa dạng các loài động vật và môi trường sống của chúng. GV có thể yêu cầu HS gọi tên một số loài động vật phổ biến. GV nêu vấn đề: Chúng ta phân chia động vật thành những nhóm nào? Muốn gọi tên các loài động vật cần dựa trên những tiêu chí nào?

Hình thành kiến thức mới

1. ĐA DẠNG ĐỘNG VẬT

Hoạt động 1: Phân biệt động vật không xương sống và động vật có xương sống

Nhiệm vụ: GV giới thiệu tranh hình 31.1 và các tranh ảnh, video khác. Qua quan sát, HS nhận biết và phân biệt động vật không xương sống và động vật có xương sống.

Tổ chức dạy học: GV sử dụng phương pháp trực quan yêu cầu HS hoạt động thảo luận theo cặp, cùng suy nghĩ để tìm ra điểm khác biệt của động vật không xương sống và động vật có xương sống. Sau đó, GV gợi ý và định hướng cho HS thảo luận theo các nội dung trong bài.

1. Quan sát hình 31.1 và chỉ ra điểm khác biệt giữa động vật không xương sống và động vật có xương sống.

Tiêu chí phân biệt động vật không xương sống và động vật có xương sống là bộ xương cột sống. Động vật không xương sống chưa có xương cột sống để nâng đỡ cơ thể, dù một số nhóm đã có bộ xương ngoài tạo nên lớp áo giáp bảo vệ. Động vật có xương sống đã có xương cột sống để nâng đỡ cơ thể.

Luyện tập

* Em hãy kể tên một số đại diện thuộc nhóm động vật không xương sống và động vật có xương sống.

Đại diện thuộc nhóm động vật không xương sống: giun, châu chấu, sâu, ...

Đại diện thuộc nhóm động vật có xương sống: cá, lươn, ếch, chim bồ câu, ...

Gợi ý thêm: Qua tìm hiểu thông tin, HS chỉ ra đặc điểm chung của động vật: Động vật có cơ thể đa bào phân hoá thành mô, cơ quan, hệ cơ quan để đảm nhận các chức năng sống khác nhau; có lối sống dị dưỡng; di chuyển tích cực; thần kinh và giác quan phát triển.

Thông qua các nội dung thảo luận và luyện tập trên đây, GV hướng dẫn để HS rút ra kết luận về cách phân biệt động vật không xương sống và động vật có xương sống.

Hoạt động 2: Tìm hiểu các nhóm động vật không xương sống trong tự nhiên

Nhiệm vụ: GV giới thiệu tranh hình 31.2a đến 31.2d và các tranh ảnh, video khác. Qua quan sát, HS nhận biết và phân biệt được các nhóm động vật không xương sống.

Tổ chức dạy học: Sử dụng phương pháp trực quan, GV yêu cầu HS hoạt động thảo luận theo cặp, cùng suy nghĩ để nhận biết và phân biệt được các nhóm động vật không xương sống. GV chuẩn bị bộ ảnh về các đại diện động vật không xương sống, tổ chức cho HS thảo luận nhóm để tìm ra tiêu chí phân biệt các nhóm động vật không xương sống: kiểu đối xứng của cơ thể (toả tròn, hai bên), hình dạng cơ thể, vỏ bọc cơ thể (vỏ đá vôi, vỏ chitin), môi trường sống, cơ quan di chuyển (chân, cánh), ...

Gợi ý: GV hướng dẫn HS xác định các đại diện động vật không xương sống thường xuất hiện ở đâu nhờ kinh nghiệm thực tế hoặc biết được qua chương trình thế giới động vật trên TV.

Nhóm câu hỏi phụ:

1) Quan sát hình 31.2a em hãy kể tên các đại diện thuộc nhóm Ruột khoang.

Các đại diện thuộc nhóm Ruột khoang: thuỷ tucus, sứa, san hô

2) Em biết những loại giun nào trong tự nhiên?

Giun đất, giun đũa, giun kim, giun tóc, ...

Gọi tên các đại diện nhóm Giun trong hình 31.2b. Theo em, có thể phân biệt các đại diện này bởi đặc điểm đặc trưng nào?

Các đại diện thuộc nhóm Giun: sán lá gan, giun đất, giun đũa. Có thể phân biệt các đại diện của nhóm Giun trên dựa vào hình dạng bên ngoài của cơ thể.

3) Em hãy kể tên những đại diện thuộc nhóm Thân mềm thường được sử dụng làm thực phẩm? Những đại diện nào có trong hình 31.2c?

Các đại diện thuộc nhóm Thân mềm: mực, ốc, trai.

4) Mô tả một đại diện Thân mềm mà em ấn tượng nhất.

Ốc sên: có vỏ ngoài bằng đá vôi hình xoắn ốc, bò chậm chạp, sống nơi ẩm ướt.
Mực: không có vỏ bọc cơ thể (vỏ cơ thể bị tiêu giảm), bơi nhanh về phía trước, có túi mực để tự vệ, sống ở biển.

5) Kể tên các đại diện thuộc nhóm Chân khớp dựa vào các gợi ý ở hình 31.2d. Điểm khác biệt lớn nhất của nhóm Chân khớp so với các nhóm Thân mềm, Giun, Ruột khoang là gì?

Các đại diện thuộc nhóm Chân khớp: nhện, rết, cua, tôm, châu chấu. Điểm khác biệt lớn nhất của nhóm Chân khớp so với các nhóm Thân mềm, Giun, Ruột khoang là có bộ xương ngoài bằng chitin để nâng đỡ và bảo vệ cơ thể.

Sau đó, GV gợi ý và định hướng cho HS thảo luận theo các nội dung trong bài.

2. Quan sát hình 31.2, em hãy kể tên các nhóm động vật không xương sống và xác định đặc điểm mỗi nhóm.

Các nhóm động vật không xương sống rất đa dạng: gồm nhiều loài, sống ở nhiều môi trường sống khác nhau.

| Các nhóm động vật không xương sống | Đặc điểm |
|------------------------------------|---|
| Ruột khoang | Động vật đa bào bậc thấp; cơ thể hình trụ, có nhiều tua miếng, đối xứng toả tròn. |
| Giun | Hình dạng cơ thể đa dạng (dẹp, hình ống, phân đốt), cơ thể đối xứng hai bên, đã phân biệt phần đầu – phần đuôi, mặt lưng – mặt bụng. |
| Thân mềm | Cơ thể mềm, không phân đốt, có vỏ đá vôi (hai mảnh vỏ hoặc vỏ xoắn ốc), có điểm mắt. |
| Chân khớp | Cấu tạo cơ thể chia 3 phần (đầu, ngực, bụng); có cơ quan di chuyển (chân, cánh); cơ thể phân đốt, đối xứng hai bên; có bộ xương ngoài bằng chitin để nâng đỡ và bảo vệ cơ thể; các đôi chân có khớp động. |

3. Để phân biệt các nhóm động vật không xương sống, em có thể dựa vào đặc điểm nào?

Kiểu đối xứng của cơ thể (toả tròn, hai bên), hình dạng cơ thể, vỏ bọc cơ thể (vỏ đá vôi, vỏ chitin), môi trường sống, cơ quan di chuyển (chân, cánh), ...

4. Xác định môi trường sống của các nhóm động vật không xương sống bằng cách hoàn thành bảng theo mẫu.

| Nhóm | Môi trường sống |
|-------------|--|
| Ruột khoang | Môi trường nước |
| Giun | Môi trường nước, trong đất hoặc trong cơ thể sinh vật |
| Thân mềm | Môi trường nước, đất ẩm |
| Chân khớp | Môi trường nước, đất, cạn, không khí, trên cơ thể sinh vật |

Luyện tập

* Nhận xét về sự đa dạng của các nhóm động vật không xương sống.

Nhóm động vật không xương sống rất đa dạng:

– Số lượng loài lớn (chiếm khoảng 80 – 90% số loài động vật)

– Số lượng cá thể trong loài lớn

– Môi trường sống đa dạng: môi trường nước, cạn, trong lòng đất, không khí, trên và trong cơ thể sinh vật khác, ...

Thông qua các nội dung thảo luận và luyện tập trên đây, GV hướng dẫn để HS rút ra kết luận về các nhóm động vật không xương sống.

Hoạt động 3: Tìm hiểu các nhóm động vật có xương sống trong tự nhiên

Nhiệm vụ: GV giới thiệu tranh hình 31.3 và các tranh ảnh, video khác. Qua quan sát, HS nhận biết và phân biệt được các nhóm động vật có xương sống.

Tổ chức dạy học: Sử dụng phương pháp trực quan, GV yêu cầu HS hoạt động thảo luận theo cặp, cùng suy nghĩ để nhận biết và phân biệt được các nhóm động vật có xương sống. GV chuẩn bị bộ ảnh về các đại diện động vật có xương sống, hướng dẫn HS thảo luận nhóm để tìm ra tiêu chí phân biệt các nhóm động vật có xương sống: cơ quan hô hấp (mang, phổi), môi trường sống (ở nước, ở cạn), cách di chuyển (bơi, bò, bay, chạy, đi), lớp áo bảo vệ cơ thể (da, vảy sừng, lông vũ, lông mao), ...

Gợi ý: GV hướng dẫn HS xác định các đại diện động vật có xương sống thường xuất hiện ở đâu bằng kinh nghiệm thực tế hoặc biết được qua chương trình thế giới động vật trên TV.

Nhóm câu hỏi phụ:

1) Theo em, cá có những đặc điểm nào phù hợp với đời sống trong môi trường nước?

Đặc điểm của cá: hô hấp bằng mang; cơ thể hình thoi, thon hai đầu thuận lợi cho việc di chuyển dưới nước; có vây tác dụng như mái chèo; vảy cá xếp lớp thuận tiện cho cá bơi ngang, bơi dọc, ...

2) Tìm hiểu thông tin và cho biết vì sao ếch thường sống ở môi trường ẩm ướt.

Ếch là đại diện thuộc nhóm Lưỡng cư, hô hấp vừa qua da, vừa qua phổi. Da ếch cần phải ẩm khi trao đổi khí để khí có thể khuếch tán qua bề mặt da. Do đó, ếch thường sống ở môi trường ẩm ướt.

3) Nhóm Chim có những hình thức di chuyển nào? Lấy ví dụ.

Các hình thức di chuyển của nhóm Chim:

– Di chuyển kiểu bay: có kiểu bay đập cánh như bồ câu, sẻ, ... và bay lượn như hải âu, diều hâu, ...

– Di chuyển bằng cách đi, chạy như đà điểu, nhím cầm, ...

– Di chuyển bằng cách bơi như chim cánh cụt.

4) Hãy lấy ví dụ về một số loài thú đẻ con và nuôi con bằng sữa mẹ.

Trâu, bò, lợn, người, ...

GV gợi ý và định hướng cho HS thảo luận theo các nội dung trong bài.

5. Quan sát hình 31.3, em hãy kể tên các nhóm động vật có xương sống. Xác định đặc điểm mỗi nhóm.

| Các nhóm động vật có xương sống | Đặc điểm |
|---------------------------------|---|
| Cá | Thích nghi với đời sống hoàn toàn ở nước, di chuyển bằng vây. |
| Lưỡng cư | Là nhóm động vật ở cạn đầu tiên; da trần và luôn ẩm ướt; chân có móng bơi; có đuôi hoặc không có đuôi; một số lưỡng cư thiếu chân. |
| Bò sát | Thích nghi với đời sống ở cạn (trừ một số loài như cá sấu, rắn nước, rùa); da khô và có vảy sừng bao bọc cơ thể. |
| Chim | Là nhóm động vật mình có lông vũ bao phủ; chỉ trước biến đổi thành cánh; có mỏ sừng; đặc điểm cơ thể thích nghi với các điều kiện môi trường khác nhau; có khả năng bay, chạy hoặc bơi. |
| Thú | Tổ chức cấu tạo cơ thể cao nhất; có lông mao bao phủ; răng phân hóa thành răng cửa, răng nanh, răng hàm. Phần lớn thú đẻ con và nuôi con bằng sữa mẹ. |

6. Dựa vào đặc điểm nào để phân biệt các nhóm động vật có xương sống?

Các đặc điểm giúp phân biệt các nhóm động vật có xương sống:

– Cơ quan hô hấp (mang, phổi);

– Môi trường sống (ở nước, ở cạn);

– Cách di chuyển (bơi, bò, bay, chạy, đi);

– Lớp áo bảo vệ cơ thể (da, vảy sừng, lông vũ, lông mao), ...

7. Các nhóm động vật có xương sống phân bố ở những môi trường nào?

| Nhóm | Môi trường sống |
|----------|---|
| Cá | Môi trường nước |
| Lưỡng cư | Môi trường nước, trong đất ẩm |
| Bò sát | Môi trường nước, môi trường cạn (khô hạn) |
| Chim | Môi trường nước, đất, cạn, không khí |
| Thú | Môi trường nước, đất, cạn, không khí |

Luyện tập

* Chứng minh sự đa dạng của nhóm động vật có xương sống.

Nhóm động vật có xương sống rất đa dạng:

- Số lượng loài lớn (chiếm khoảng 10 – 20% số loài động vật);

- Số lượng cá thể trong loài lớn;

- Môi trường sống đa dạng: môi trường nước, cạn, trong lòng đất, không khí, trên và trong cơ thể sinh vật khác, ...

Thông qua các nội dung thảo luận và luyện tập trên, GV hướng dẫn để HS rút ra kết luận về các nhóm động vật có xương sống.

Giải đố: Các loài động vật tham gia vào “bản giao hưởng” đêm hè trên những cánh đồng làng quê ở nước ta: ếch nhái, dế, ve sầu, chim cuốc.

GV hướng dẫn HS đọc thêm trong SGK để nhận biết về sự đa dạng của động vật.

2. TÁC HẠI CỦA ĐỘNG VẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Hoạt động 4: Tìm hiểu một số tác hại của động vật trong đời sống

Nhiệm vụ: GV giới thiệu hình 31.4 và các tranh ảnh, video khác. Qua quan sát, HS nhận biết được một số tác hại của động vật với đời sống: gây bệnh, truyền bệnh, ...

Tổ chức dạy học: Sử dụng phương pháp trực quan kết hợp kĩ thuật động não nói, kĩ thuật KWL, GV tổ chức cho HS thảo luận về tác hại của động vật trong đời sống con người dựa trên những nhiệm vụ trong SGK.

8. Quan sát hình 31.4, nêu một số tác hại của động vật trong đời sống con người.

Các động vật và tác hại:

- Một số động vật gây bệnh cho con người: bọ chét, giun, sán ký sinh;

- Một số động vật là trung gian truyền bệnh: bọ chét là trung gian truyền bệnh dịch hạch, muỗi anophen là trung gian truyền bệnh sốt rét, ...

- Một số động vật ảnh hưởng đến công trình giao thông biển như: con hà, con sum; phá hoại đê điều như: mồi, mọt, ...

- Một số động vật chuyên phá hoại mùa màng: ốc bươu vàng, chuột, cào cào, sâu hại, ...

- Một số động vật chuyên ký sinh trên vật nuôi làm ảnh hưởng đến chất lượng và năng suất đàn nuôi như: sán lá gan, rận cá, ...

9. Quan sát hình 31.4, em hãy nêu con đường lây nhiễm bệnh dịch hạch ở người.

Con đường lây nhiễm bệnh dịch hạch ở người:

Chuột bị bệnh → Bọ chét → Người